

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định, số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Ngân hàng TMCP Bản Việt,

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là “*Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt*”.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29/04/2021.
- Điều 3.** Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các đơn vị và các cá nhân có liên quan của Ngân hàng TMCP Bản Việt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- CBTT, đăng tải Website BVB;
- Trang QLVB (Apps Portal);
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ ANH TÀI

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt;
- Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt (Ngân hàng) và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng.
2. Đại hội đồng cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật trong từng thời kỳ.

Điều 3. Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông





1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Ngân hàng công bố thông tin về việc lập danh sách có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:
 - (a) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Ngân hàng được niêm yết trên thị trường chứng khoán), trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
 - (b) Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Ngân hàng niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; trường hợp Ngân hàng xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.
 - (c) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết.
 - (d) Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, cách thức tải tài liệu, bao gồm: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát; phiếu biểu quyết; dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
4. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:
 - (a) Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền cổ đông là tổ chức có quyền trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông hoặc ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp.
 - (b) Việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan. Cách thức đăng ký họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Ngân hàng và các quy định pháp luật có liên quan.
5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết. Các trường hợp còn lại, thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

6. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
8. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cử một người hoặc Tổ thư ký làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản của Ngân hàng và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Các nội dung Biên bản họp theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
9. Các vấn đề liên quan đến việc công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
2. Các vấn đề về trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Điều 40 Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp hội nghị trực tuyến.

Các vấn đề liên quan đến trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp hội nghị trực tuyến, bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết theo quy định Luật Doanh nghiệp và Quy chế Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

**CHƯƠNG III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Mục 1.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị

Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Các vấn đề liên quan đến vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật.

Mục 2.

Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị



1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập. Hội đồng quản trị có tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành Ngân hàng và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Các vấn đề liên quan đến cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 10. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các vấn đề liên quan đến việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 51, Điều 55 Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Mục 3.**Thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị****Điều 11. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương mà hưởng thù lao công việc. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.
2. Các vấn đề còn lại liên quan đến thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Mục 4.**Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị****Điều 12. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại Trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định. Trường hợp họp lần đầu của nhiệm kỳ sẽ do người triệu tập quyết định.
2. Các vấn đề còn lại liên quan đến trình tự, tổ chức họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 58 Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 13. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Thời gian, địa điểm họp;
 - (c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm (a), (b), (c), (d), (đ), (e), (g) và (h) khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Các vấn đề còn lại liên quan đến Biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Mục 5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 14. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Các vấn đề liên quan đến việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Mục 6.

Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng

Điều 15. Người phụ trách quản trị Ngân hàng

Các vấn đề liên quan đến Người phụ trách quản trị Ngân hàng, bao gồm tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ thực hiện theo Điều 61 Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Mục 1.

Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Điều 16. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Các vấn đề khác liên



quan đến vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:

- (a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- (b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng.
- (c) Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- (d) Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 khoản này mà gây thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Ngân hàng.
- (e) Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
- (f) Các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Mục 2.

Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Điều 17. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Ngân hàng.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ

Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 19. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, số lượng ứng cử viên



mà mỗi cổ đông, nhóm cổ đông có quyền đề cử phụ thuộc tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

2. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
3. Các trường hợp còn lại thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 20. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên Ban kiểm soát được bầu và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - (a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - (b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (c) Trường hợp khác do Điều lệ Ngân hàng quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - (a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - (b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Ngân hàng;
 - (d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Sau khi có văn bản chấp thuận danh sách ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát của Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Ngân hàng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên



tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- (a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- (b) Trình độ chuyên môn;
- (c) Quá trình công tác;
- (d) Các chức danh quản lý khác;
- (e) Lợi ích có liên quan tới Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng;
- (f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;
- (g) Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 23. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Các vấn đề còn lại liên quan đến tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 24. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.
2. Các vấn đề liên quan đến vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 25. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 26. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Các vấn đề liên quan đến việc bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao

đồng với Tổng Giám đốc theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 27. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Ngân hàng.

**CHƯƠNG VI
CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

Điều 28. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
3. Các vấn đề còn tồn tại liên quan đến thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 29. Thông báo quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Các vấn đề liên quan đến việc thông báo quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 30. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

Các vấn đề liên quan đến các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 31. Báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Tổng giám đốc có nghĩa vụ báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Các vấn đề liên quan đến việc cung cấp thông tin và cách thức thông báo thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 32. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của Ngân hàng.
2. Tuân thủ Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.



3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 33. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác

1. Khen thưởng:

- (a) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những Người điều hành Ngân hàng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ quản trị ngân hàng, bảo đảm Ngân hàng phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc cá nhân.
- (b) Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc các nhân được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những Người điều hành Ngân hàng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Kỷ luật:

- (a) Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những Người điều hành Ngân hàng trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng.
- (b) Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định, Điều lệ của Ngân hàng.

**CHƯƠNG VII
HIỆU LỰC THI HÀNH**

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng TMCP Bản Việt bao gồm 07 (bảy) chương, 34 (ba mươi bốn) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm.....
2. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
3. Điều khoản ưu tiên áp dụng:
 - (a) Trong trường hợp có những nội dung được quy định khác nhau giữa Quy chế này và Điều lệ thì ưu tiên áp dụng theo Điều lệ.
 - (b) Trường hợp có những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng.
 - (c) Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong Quy chế này và/hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp



Ngân hàng Bản Việt

luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Lê Anh Tài